TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02 - 7 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Nghị.

2. Ông Trần Văn Nghiệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Qúi – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn, con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Lệ T, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trương Thị Lệ T trình bày và yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị T và anh H chung sống với nhau vào năm 2003, đến năm 2009 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B theo giấy chứng nhận số 46 ngày 14/4/2009. Đến đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên

nhân do bất đồng quan điểm, mâu thuẩn vấn đề tiền bạc đẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2016 đến nay, chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Trương T Châu sinh ngày 28/4/2009. Cháu Châu đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T yêu cầu để anh H tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tính theo thời điểm cho đến khi cháu Châu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện được ý kiến anh H đối với yêu cầu của chị T trong hồ sơ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ kết quả tranh tụng và các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung được quy định tại Khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[3] Xét về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị Lệ T và anh Nguyễn Văn H là hợp pháp. Quá trình sống chung do anh chị bất đồng quan điểm, mâu thuẩn về tiền bạc nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Đối với anh H cố tình vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của anh trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh H ly thân từ năm 2016 đến nay, anh chị không cùng nhau khắc phục, mà để việc ly thân kéo dài. Điều này chứng tỏ về tình cảm giữa chị T và anh H đã mâu thuẩn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ,

phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trương Tâm Châu sinh ngày 28/4/2009. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Châu đang sống chung với anh H và anh H chăm sóc vẫn đảm bảo để cháu Châu phát triển bình thường, hơn nữa theo tờ tự khai ngày 18/4/2019 cháu Châu cũng có nguyện vọng sống với anh H. Do đó, để ổn định về mọi mặt của cháu Châu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Châu cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Anh H là người trực tiếp nuôi con nhưng vắng mặt không thể hiện ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Châu mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tính theo thời điểm cho đến khi cháu Châu tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì chị T pH chịu án phí theo quy định.

[8] Xét ý kiến Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Lệ T.

1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị Lê T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trương Tâm Châu sinh ngày 28/4/2009 cho anh Nguyễn Văn H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện chị Trương Thị Lệ T cấp dưỡng nuôi cháu Châu mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tính theo thời điểm cho đến khi cháu Châu tròn 18 tuổi (hiện nay ½ mức lương cơ sở là 745.000đ). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì pH chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Lệ T nộp 600.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai thu số 40195 ngày 12/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị T phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo trình tự phúc thẩm, đối với đương sự vắng mặt được tính từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tám